

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung
xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018 và Luật số 62/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng.

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 1196/QĐ-CTUBND ngày 26/12/2011 của UBND huyện Kế Sách về việc phê duyệt “Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng”.

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của thủ tướng chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HD-BCUBND ngày 03/11/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Sóc Trăng về thực hiện, đánh giá, công

nhận đạt chuẩn và thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025.

Xét Tờ trình số 282/TTr-PKTHT ngày 29/11/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Kế Sách về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, nội dung chi tiết đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ và các đơn vị có liên quan tiến hành công bố quy hoạch, niêm yết bản vẽ quy hoạch tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ.

- Theo dõi, đôn đốc Ủy ban nhân dân xã, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Mỹ triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

- Bàn giao các hồ sơ bản vẽ, thuyết minh và file quy hoạch cho UBND xã Nhơn Mỹ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP. UB huyện;
(NC- LT tq.04)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Vũ Đức



NỘI DUNG ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÃ NHƠN MỸ, HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1300 /QĐ-UBND ngày 02 / 12 /2022 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách)*

1. Tên đồ án:

Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới khu vực lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng:

- Phía Đông Bắc giáp tỉnh Trà Vinh.
- Phía Tây Bắc giáp xã Thới An Hội và xã An Lạc Tây.
- Phía Tây Nam giáp xã An Mỹ, thị trấn Kế Sách.
- Phía Đông Nam giáp xã Song Phụng huyện Long Phú.

Xã Nhơn Mỹ có 8 Ấp: ấp Mỹ Thạnh, ấp Mỹ Tân, ấp Mỹ Lợi, ấp Mỹ Yên, ấp Mỹ Thuận, ấp Mỹ Huê, ấp Mỹ Phước và ấp An Phú Đông.

- Quy mô diện tích toàn xã: 2.920,09 ha.

- Đối tượng nghiên cứu quy hoạch:

+ Nghiên cứu đề xuất quy mô, phạm vi và ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã, hệ thống các công trình hạ tầng xã hội toàn xã theo tiêu chí Nông thôn mới;

+ Nghiên cứu quy hoạch đáp ứng tiêu chí nông thôn mới cho xã.

3. Quan điểm, mục tiêu của việc lập quy hoạch:

- Quy hoạch xây dựng xã trở thành mô hình thực tế về nông thôn mới thời kỳ CNH - HĐH thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao, có kết cấu hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội hiện đại, có hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Điều chỉnh quy hoạch xây dựng phải đáp ứng các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế, xã hội của huyện về việc phát triển xây dựng trên địa bàn xã đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quy hoạch định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn theo hướng tiết kiệm đất sản xuất nông nghiệp, đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng, quản lý sử dụng đất đai có

hiệu quả. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cải tạo môi trường, gắn kết giữa sản xuất và phục vụ đời sống Nhân dân trên địa bàn xã;

- Quy hoạch định hướng phát triển nông thôn bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân nhằm giảm khoảng cách về đời sống, sinh hoạt của người dân giữa đô thị và nông thôn.

- Xác lập hệ thống các giải pháp để tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của xã để đạt xã nông thôn mới trong thời gian tới.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp:

a. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu:

- Về trồng trọt: Trong những năm tiếp theo sẽ chuyển đổi hết phần diện tích lúa còn lại sang trồng cây ăn trái và chuyển đổi một phần sang đất ở, công trình công cộng và phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương với định hướng các khu vực chuyên canh cây ăn trái để thuận lợi trong sản xuất, quản lý được giá thị trường và giảm tác động xấu đến môi trường. Với diện tích 1.666,65 ha đất phù hợp cho trồng các loại cây lâu năm và đặc biệt phù hợp với các loại cây ăn quả, nên hầu hết ở các ấp có trồng các loại cây như: nhãn, cam, bưởi, vú sữa, mận, măng cụt, sầu riêng, ca cao.

- Về chăn nuôi: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, chú trọng phát triển chăn nuôi bò, heo nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ, tăng dần tỉ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Khuyến khích phát triển chăn nuôi công nghiệp tại các trang trại, từng bước hiện đại hóa ngành chăn nuôi, tạo nguồn hàng hóa chất lượng cao và ổn định, tăng sức cạnh tranh, xử lý tốt ô nhiễm môi trường.

Cùng với ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, cần coi trọng các tiến bộ kỹ thuật về nuôi dưỡng và phòng trừ dịch bệnh.

- Về tổ chức sản xuất: Để đảm bảo sản xuất đạt hiệu quả cao, giảm chi phí sản xuất, tiêu thụ hết sản phẩm nông nghiệp, giá cả nông sản ổn định địa phương có chính sách vận động, hỗ trợ người dân lập và tham gia các tổ hợp tác, câu lạc bộ, nhóm sản xuất. Đồng thời nhân rộng mô hình này người dân có thể tiếp cận được các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất, mặt khác còn sử dụng được các nguồn vốn hỗ trợ sản xuất của nhà nước và các tổ chức tín dụng. Cần tổ chức thêm các lớp tập huấn, cách thức trồng trọt, chăn nuôi cho các hộ dân để nâng cao trình độ kiến thức trong công tác sản xuất nông nghiệp.

b. Quy hoạch sản xuất lâm nghiệp:

Đất sử dụng vào mục đích lâm nghiệp trên địa bàn chủ yếu là cây phân tán, vì vậy lâm nghiệp không là cây trồng có vai trò chính trong cơ cấu kinh tế của xã. Cây lâm nghiệp được ngành nông nghiệp hỗ trợ chủ yếu để phủ xanh các tuyến đường, bờ kênh, hiện tại đã phủ kín và đầy đủ. Hàng năm cần có kế hoạch bổ sung các cây bị chết, cây lớn có thể khai thác sử dụng.

c. Quy hoạch sản xuất thủy sản:

Khuyến khích nuôi các loại thủy sản không cần nhiều ánh sáng như cá tra và một số loại cá nước ngọt khác.

Phát triển nuôi cá tra ở vùng ngoài cồn Mỹ Phước, vì nó thuận tiện cho việc thay nước trong ao,...

d. Quy hoạch phát triển dịch vụ, làng nghề:

Với đà phát triển kinh tế và vị trí thuận lợi cặp Quốc lộ Nam sông Hậu thì việc giao thương các vùng trong tỉnh và ngoài tỉnh là rất tiện lợi, xã Nhơn Mỹ sẽ phát triển một số ngành dịch vụ sau: Phát triển hệ thống kinh doanh vật liệu xây dựng, xăng dầu, vật tư nông nghiệp; Phát triển hệ thống dịch vụ vận chuyển; Phát triển các cơ sở đầu mối tiêu thụ nông sản để tập trung vận chuyển đi các tỉnh khác và tiêu thụ trong tỉnh; Phát triển hệ thống kinh doanh theo các tuyến dân cư, khu vực trung tâm xã; Phát triển các cơ sở sơ chế hàng nông sản,...

e. Quy hoạch phát triển hạ tầng phục vụ nông nghiệp:

- Ngoài quy hoạch hệ thống hạ tầng thiết yếu cơ bản phục vụ đời sống và sản xuất đã được thực hiện theo quy hoạch xây dựng, cần quan tâm các vấn đề: nâng cấp, xử lý ngay những chỗ đã bị sạt lở, như làm bờ kè để chống chọi với sự biến đổi của khí hậu đang dần dần rõ rệt.

- Hệ thống thủy lợi: Với đặc điểm thủy triều thay đổi lớn trong ngày giữa triều cường lên và xuống thì khả năng phục vụ tưới tiêu của hệ thống kênh, mương hiện có đã đủ để phục vụ sản xuất, tuy nhiên cần nạo vét thường xuyên các kênh mương bị bồi lắng.

4.2. Quy hoạch xây dựng:

4.2.1. Tiềm năng và định hướng phát triển KT-XH của xã:

** Phát triển nông thôn bền vững:*

- Về Kinh tế:

Phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh, tăng năng suất lao động, tạo thành vùng chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, sản lượng thủy sản, tăng thu nhập cho nông dân.

Củng cố, khuyến khích phát triển thêm ngành nghề, các loại hình doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các hợp tác xã làng nghề các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, các điểm thu mua nông sản... Cần có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong và ngoài tỉnh đầu tư trên địa bàn xã Nhơn Mỹ.

- Về Văn hóa:

Phát triển và mở rộng các hình thức nâng cao trình độ văn hóa, kỹ năng lao động cho người dân, để họ tiếp cận với yêu cầu mới của sản xuất kinh doanh thông qua các lớp tập huấn của Hội Nông dân, các chương trình khai triển đối với nông nghiệp – nông thôn...

Các thiết chế văn hóa ở nông thôn cần được củng cố và phát triển, điều quan

trọng là phát huy và bảo tồn giá trị truyền thống.

Cần tổ chức những sinh hoạt văn hóa, phát huy truyền thống dòng họ, làng, xã. Duy trì và phát huy các tụ điểm sinh hoạt văn hóa tại các chùa chiền. Mặt khác nâng cao trình độ thẩm mỹ của cư dân nông thôn, khắc phục tình trạng xâm nhập văn hóa không lành mạnh.

- Về xã hội:

Giải quyết việc làm, yêu cầu bức xúc hiện nay của nông thôn.

Nông dân hiện nay, cộng đồng dân cư rất đa dạng: không chỉ có nông dân mà đủ các thành phần các tầng lớp, đủ các sắc tộc và tôn giáo, chủ yếu là đạo Phật. Cần có những biện pháp tạo dựng các quan hệ xã hội gắn bó giữa các tổ chức sản xuất kinh doanh, các tổ chức văn hóa, giáo dục và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội dân sự trên địa bàn dân cư để các tổ chức này hỗ trợ nhau giải quyết việc làm cùng chung sức xây dựng cộng đồng làng xã, xây dựng công trình phúc lợi, góp phần bảo vệ môi trường giữ gìn trật tự an ninh, tạo không khí thân tình gắn bó, phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái từ trong dòng họ. Chính đó là “vốn xã hội” rất quý cần được phát huy trong tiến trình phát triển nông thôn.

Sự phát triển bền vững của nông thôn là nền tảng của sự phát triển bền vững của cả nước, coi nhân dân là nhân vật trung tâm, để nông thôn và nông dân không bị coi là đứng ngoài lề của công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Những chủ trương chính sách đối với nông thôn và nông dân phải bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân, vừa phát triển kinh tế, văn hóa vừa bảo đảm công bằng xã hội, để trên lệch giàu nghèo không tiếp tục giãn ra quá xa. Bộ máy nhà nước phải đủ trong sạch để những chủ trương, chính sách đúng đắn của nhà nước thực sự phát huy tích cực ở nông thôn.

** Phương hướng phát triển các ngành chính:*

- Nông nghiệp – thủy sản:

Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, bố trí cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên đất đai gắn với thị trường tiêu thụ.

Ổn định diện tích nuôi thủy sản hàng năm, đưa khoa học kỹ thuật áp dụng trong nuôi trồng thủy sản. Chọn giống tốt qua kiểm tra nhằm ổn định canh tác và thu nhập của hộ dân. Khuyến khích hình thức hợp tác xã, thường xuyên mở các lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản (chủ yếu là thủy sản nước ngọt).

Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô công nghiệp, chú trọng vật nuôi có giá trị cao như: heo giống, lợn hướng nạc, gà - đẻ trứng.

- Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

Phát huy lợi thế về giao thông, nguồn nhân lực và nguồn nhiên liệu từ nông nghiệp, các ngành nghề sản xuất kinh doanh truyền thống phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào sản xuất nông nghiệp – sản xuất kinh doanh.

Mở rộng và phát triển các loại hình dịch vụ cung ứng, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, vật tư xây dựng, ngân hàng, điểm thu mua nông sản, nhằm phát triển sản xuất công-nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội và góp phần giải quyết việc làm cho người dân.

- Dịch vụ:

Mở rộng và phát triển các loại hình dịch vụ - tài chính, tín dụng, bưu chính viễn thông, các cơ sở sản xuất kinh doanh các mặt hàng truyền thống, vật tư nông nghiệp, vật tư xây dựng. Thu mua hàng nông sản, thủy sản ... nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất công nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Nhìn chung tình hình sản xuất, kinh tế xã Nhơn Mỹ phát triển khá, đất đai thuận lợi cho các loại hình kinh tế, nông nghiệp là thế mạnh.

4.2.2. Dự báo quy mô dân số, lao động và đất đai:

a. Dự báo quy mô dân số, số hộ toàn xã:

Dự báo quy mô dân số cho các giai đoạn 5-10 năm (Ví dụ: dự báo dân số xã cho các mốc thời điểm 2025, 2030).

- Dự báo quy mô dân số, số hộ toàn xã:

+ Dân số hiện trạng toàn xã: 15.705 người – 3.435 hộ.

+ Tỷ lệ tăng dân số bình quân toàn xã: 0,25%.

(Nguồn: báo cáo thống kê dân số xã Nhơn Mỹ)

+ Dân số dự báo theo giai đoạn quy hoạch:

Công thức tính dân số: $N = N_0 \times (1+r)^n$. Trong đó: N_0 là dân số năm ban đầu, r là tỷ lệ tăng dân số/năm, n là số năm và N là dân số năm cần tìm.

+ Đến năm 2025: 15.823 người.

+ Đến năm 2030: 16.021 người.

b. Dự báo lao động:

Dân số trong độ tuổi lao động năm 2021: 6.659 người, chiếm 42,4% dân số toàn xã.

Dự kiến đến năm 2025 số lao động trong độ tuổi 6.962 người chiếm 44%, đến năm 2030 có 7.397 người chiếm 46,17% dân số toàn xã.

4.3. Quy hoạch định hướng phát triển không gian xã:

a. Phân khu chức năng:

Khu ở và các công trình phục vụ; Các công trình sản xuất (Khu tiểu thủ công nghiệp; Khu chế biến nông sản và thực phẩm; ...) và phục vụ sản xuất (Kho, vật tư nông nghiệp, lò sấy, các cửa hàng cung cấp phân bón, xăng dầu; ...) và các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội.

Khu dành cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp (Khu trồng cây ăn trái, các loại trái cây đặc sản; Khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; ...) và các mục đích khác.

Khu trung tâm xã: Trụ sở các cơ quan hành chính; Công trình văn hóa, thể dục thể thao, công viên cây xanh; Công trình giáo dục, y tế; Công trình thương mại, dịch vụ, bưu chính viễn thông; Trạm cấp nước và các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất khác.

Khu du lịch: Các công trình phục vụ du lịch: khu vui chơi, khu ẩm thực, khu trung bày,...

Chỉ tiêu xây dựng các khu chức năng toàn xã:

Stt	Công trình	Mật độ xây dựng (%)
1	Nhà ở mật độ cao	≤ 100
2	Nhà ở mật độ thấp	≤ 40
3	Khu hành chính tập trung	≤ 40
4	Nhà văn hóa	≤ 40
5	Bưu điện xã	≤ 40
6	Chợ - Trung tâm thương mại	≤ 40
7	Trạm y tế	≤ 40
8	Trạm cấp nước	≤ 40
9	Trường Mẫu giáo	≤ 40
10	Trường Tiểu học	≤ 40
11	Trường Trung học cơ sở	≤ 40
12	Công viên cây xanh	≤ 5

b. Định hướng tổ chức Khu trung tâm xã lồng ghép khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- **Vị trí:** Nằm tại ấp Mỹ Huệ có tứ cận như sau:

+ Phía Đông Bắc: Giáp Sông Hậu, Sông Rạch Mộp.

+ Phía Tây Bắc: Giáp Sông Hậu.

+ Phía Đông Nam: Giáp đất dân.

+ Phía Tây Nam: Giáp đất dân và Sông Rạch Mộp.

Quy mô diện tích dự kiến: 55 ha.

Dân số dự kiến 5.000 – 6.000 người.

- **Phân khu chức năng:**

Phát triển khu dân cư tập trung tại ấp Mỹ Huệ với các khu chức năng chính:

+ Đất ở hiện trạng và đất ở mới.

+ Khu hành chính.;

+ Khu giáo dục, y tế;

+ Khu văn hoá – TDTT;

- + Khu công viên cây xanh;
- + Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp);
- + Khu hạ tầng kỹ thuật,...

c. Hệ thống công trình công cộng, dịch vụ và phục vụ sản xuất của xã:

- Công trình giáo dục:

+ Nhà trẻ trường, mầm non: bán kính phục vụ dưới 1.000m, chỉ tiêu: 8 m²/trẻ, quy mô trường ≥ 3 nhóm lớp, quy mô nhóm trẻ từ 15-25 trẻ, quy mô nhóm mẫu giáo từ 25-35 trẻ.

+ Trường tiểu học: bán kính phục vụ dưới 1.000m, chỉ tiêu: 6 m²/học sinh, quy mô trường ≥ 5 nhóm lớp, quy mô nhóm lớp từ ≥ 15 học sinh, có thể bố trí thành nhiều điểm trường.

+ Trường trung học cơ sở: bán kính phục vụ dưới 4.000m, chỉ tiêu: 6 m²/học sinh, quy mô trường ≥ 4 nhóm lớp, quy mô nhóm lớp từ ≤ 45 học sinh, có thể bố trí thành nhiều điểm trường.

+ Trường Trung học phổ thông (nếu có): đề xuất bố trí phục vụ cho nhiều xã kế cận.

+ Mở rộng diện tích nâng cấp và xây dựng thêm một số hạng mục như: sân chơi, bãi tập và xây dựng thêm các phòng chức năng cho các trường hiện trạng.

+ Các trường học (Trường Tiểu học, nhà trẻ Mẫu giáo): được bố trí gần khu dân cư yên tĩnh có điều kiện vệ sinh tốt, đảm bảo học sinh đi lại an toàn và thuận lợi.

- Các công trình khác:

Trung tâm của các điểm dân cư:

Tại các điểm dân cư tập trung cũng bố trí trường tiểu học, nhà trẻ mẫu giáo và các công trình công cộng phục vụ cho người dân trong các điểm dân cư dọc các tuyến kênh, đường... rải rác trong xã. Tại các ấp điều có sân thể thao và nhà văn hóa ấp bố trí theo dạng liên ấp.

Khu sản xuất:

- Các khu vực sản xuất: khu vực trồng cây ăn trái, các loại trái cây đặc sản...; khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...

Quy hoạch sử dụng đất toàn xã phải dành đất cho:

+ Khu sản xuất, tiểu thủ công nghiệp (bố trí trong khu vực trung tâm xã, sẽ được cụ thể hoá trong đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm xã 1/500);

+ Khu chăn nuôi tập trung;

+ Khu trồng cây ăn trái, các loại trái cây đặc sản....

- Quy hoạch xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phải phù hợp với tiềm năng phát triển nuôi trồng của xã như:

- Tiềm năng về đất đai (sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc).

- Tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến nông sản và thực phẩm.
- Các điều kiện cần cho sản xuất: thị trường tiêu thụ, khả năng huy động vốn, các công nghệ có thể áp dụng, hạ tầng kỹ thuật (giao thông vận tải, cấp điện, cấp nước, thoát nước).
- Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải bố trí ngoài khu ở, gần đầu mối giao thông, thành các cụm sản xuất.
- Giữa các khu sản xuất và khu ở yêu cầu phải có khoảng cách ly phù hợp với đặc điểm quy mô của công trình sản xuất.
- Bố trí hợp lý mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo cách ly vệ sinh phù hợp với đặc điểm, quy mô và mức độ độc hại của công trình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và chăn nuôi quy mô lớn.
- Các công trình phục vụ sản xuất:
Các công trình phục vụ sản xuất như kho, vật tư nông nghiệp, nhà máy xay xát, lò sấy, các cửa hàng cung cấp phân bón, xăng dầu phải thuận tiện với đường giao thông và đảm bảo cách ly vệ sinh.

- Các công trình công cộng nằm ngoài ranh giới trung tâm xã:

Ngoài trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung thì công trình công cộng được bố trí ở các ấp theo bán kính phục vụ, dọc theo các tuyến dân cư hiện hữu. Gồm các công trình sau:

*** Ấp Mỹ Tân:**

Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hoá & sân thể thao ấp Mỹ Tân, vị trí nằm trên tuyến Lộ cầu Trâm Bầu (H5B) đến rạch Bờ Sao, diện tích Nhà Văn Hoá ấp 200m² tầng cao xây dựng 01, mật độ xây dựng: 40%, sân thể thao ấp diện tích 500 m².

*** Ấp Mỹ Thạnh:**

Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hoá & sân thể thao ấp Mỹ Thạnh, vị trí nằm trên tuyến Quốc Lộ Nam Sông Hậu, diện tích Nhà Văn Hoá ấp 200 m² tầng cao xây dựng 01, mật độ xây dựng: 40%, sân thể thao ấp diện tích 500 m².

Quy hoạch mới chợ nông sản vị trí tại Ngã tư Trà Eché có quy mô 0,2 ha.

*** Ấp Mỹ Lợi:**

Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hoá & sân thể thao ấp Mỹ Lợi, vị trí nằm trên tuyến Lộ cầu kênh Ranh xã Thới An hội đến kênh Năm Khù ra Quốc Lộ Nam Sông Hậu, diện tích Nhà Văn Hoá ấp 200 m² tầng cao xây dựng 01, mật độ xây dựng: 40%, sân thể thao ấp diện tích 500 m².

Quy hoạch mở rộng bến phà Trà Eché quy mô khoảng 0,6 ha.

Quy hoạch mới Trụ sở Công an xã Nhơn Mỹ, vị trí nằm trên tuyến Quốc Lộ Nam Sông Hậu, quy mô 0,2 ha

*** Ấp Mỹ Yên:**

Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hoá & sân thể thao ấp Mỹ Yên, vị trí nằm trên tuyến Lộ ngã tư Quốc Lộ Nam Sông Hậu đến cầu An Phú Đông, diện tích Nhà

Văn Hoá áp 200 m² tầng cao xây dựng 01, mật độ xây dựng: 40%, sân thể thao áp diện tích 500 m².

*** Ấp Mỹ Thuận:**

Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hoá & sân thể thao ấp Mỹ Thuận, vị trí nằm trên tuyến Lộ rạch Bàng bờ Tây đến đến rạch Mương Khai ra Quốc Lộ Nam Sông Hậu (Cầu Mương Khai 2) diện tích Nhà Văn Hoá áp 200 m² tầng cao xây dựng 01, mật độ xây dựng: 40%, sân thể thao áp diện tích 500 m².

Quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã Nhơn Mỹ vị trí nằm trên tuyến Lộ Cầu 2 Nĩ đến cầu Mương Khai 2 ra Quốc Lộ Nam Sông Hậu, quy mô khoảng 0,64 ha.

*** Ấp An Phú Đông:**

Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hoá & sân thể thao ấp An Phú Đông vị trí nằm trên Tuyến lộ từ cầu kênh Ranh xã Thới An Hội (Út Cọp) đến cầu kênh Tắc, sông Số 1, diện tích Nhà Văn Hoá áp 200 m² tầng cao xây dựng 01, mật độ xây dựng: 40%, sân thể thao áp 500 m².

*** Ấp Mỹ Phước:**

Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hoá & sân thể thao ấp Mỹ Phước, vị trí nằm trên Tuyến lộ nhà Hậu Anh đến nhà ông Sến, diện tích Nhà Văn Hoá áp 200 m² tầng cao xây dựng 01, mật độ xây dựng: 40%, sân thể thao áp diện tích 500 m².

Quy hoạch mở rộng khu du lịch sinh thái cồn Mỹ Phước (7,23 ha)

*** Ấp Mỹ Huê:**

Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hoá & sân thể thao ấp Mỹ Huê vị trí nằm trên Tuyến Quốc Lộ Nam Sông Hậu, diện tích Nhà Văn Hoá áp 200 m² tầng cao xây dựng 01, mật độ xây dựng: 40%, sân thể thao áp diện tích 500 m².

Quy hoạch khu trung tâm xã lồng ghép với khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn diện tích khoảng 55 ha.

c. Cơ cấu các công trình chính trong lô đất ở của 01 hộ gia đình:

*** Nhà ở hộ dịch vụ (nhà liên kế):**

Bố trí ở trung tâm xã và trung tâm các điểm dân cư tập trung.

- Đối với nhà hiện hữu:

- + Khuyến khích nâng tầng tạo bộ mặt nông thôn mới;
- + Xây dựng vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt;
- + Tổ chức lại mặt bằng phù hợp với sinh hoạt của gia đình.

- Đối với nhà xây mới:

- + Xây dựng nhà 2 - 3 tầng có đầy đủ tiện nghi phục vụ sinh hoạt;
- + Với diện tích khoảng 100 - 150 m² (5x25m hay 7x20m).

*** Nhà ở hộ thuần nông thôn:**

- Đối với nhà hiện hữu:

- + Khuyến khích cải tạo nhà lại theo hướng thông thoáng, sạch sẽ cao ráo.
- + Xây dựng vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt;
- + Tổ chức lại mặt bằng phù hợp với sinh hoạt của gia đình;
- + Có vườn bao quanh nhà.
- Đối với nhà xây mới:

Nhà ở nông thôn phải đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng). Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

+ “Nền cứng” là nền, móng nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vừa xi măng - cát, bê tông cốt thép, gạch, đá.

+ “Khung cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kể cả móng đỡ. Khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm từ gỗ bền chắc.

+ “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt.

Chỉ tiêu diện tích một khuôn viên trong vùng tây nam bộ

Loại đất	Diện tích (m²)
Đất xây dựng (nhà ở, chuồng trại, đường đi, và các công trình phụ khác)	150 - 350
Đất làm kinh tế (Trồng rau xanh, cây thực phẩm ngắn ngày, cây ăn quả, làm nghề phụ)	250 - 450
Tổng diện tích đất sử dụng cho một hộ:	400 - 800

- + Nhà chính bám theo các kênh, rạch, đường giao thông chính, tôn nền cục bộ.
- + Kết cấu chịu lực, thép hoặc bê tông;
- + Kết cấu bao che: bê tông nhẹ, gạch rỗng, vật liệu địa phương,...
- + Kết cấu mái: hệ khung thép, giàn thép không gian nhiều lớp hoặc hệ kèo BTCT khẩu độ nhỏ.

+ Vật liệu lợp: tole, ngói hoặc vật liệu địa phương.

- Bố cục các hạng mục công trình trong khuôn viên ở phải thuận tiện cho sinh hoạt, sản xuất và đi lại của hộ gia đình:

+ Khoảng cách từ nhà ở (chỉ có chức năng ở) tới các khu làng nghề, khu sản xuất cụm công nghiệp tập trung không được nhỏ hơn 1.000m, nếu nhà ở kết hợp sản xuất làm nghề phụ thì phải cách trung tâm xã với bán kính $\geq 300m$, nếu tính chất ngành nghề có mức độ độc hại cao thì bán kính $\geq 500m$;

+ Khu vệ sinh được tách riêng khỏi khu vực ở, sử dụng bể tự hoại hoặc bán tự hoại thì sử dụng hố xí hai ngăn nhưng phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường;

+ Giải pháp kết cấu an toàn, bền vững. Nên áp dụng công nghệ và giải pháp xây dựng tiên tiến, thích hợp với điều kiện thi công và kỹ năng xây dựng của địa phương. Kết hợp sử dụng vật liệu truyền thống với vật liệu có sẵn tại địa phương.

d. Quy định quản lý kiến trúc cảnh quan toàn xã:

*** Phân vùng quản lý quy hoạch kiến trúc cảnh quan:**

- Các điểm dân cư phát triển, hạn chế phát triển và không phát triển; các khu dân cư xây dựng mới; các khu trung tâm; các khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

+ Xã Nhơn Mỹ có vị trí rất thuận lợi để phát triển toàn diện; các khu dân cư các công trình dịch vụ công cộng. Ngoài ra phát triển nông nghiệp mà chủ yếu là trồng lúa và hoa màu là nhiệm vụ hàng đầu của xã. Để đáp ứng nhu cầu trên trong quy hoạch chung vủa xã có 1 điểm dân cư nông thôn là điểm trung tâm xã & khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (vị trí thể hiện trên bản vẽ).

- Các chỉ tiêu về mật độ xây dựng, tầng cao tối đa, tối thiểu của công trình trong các khu chức năng:

TT	Tên công trình	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích sân đường (%)	Diện tích cây xanh (%)	Tầng cao tối đa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Công trình hành chính công cộng				
1	Trụ sở cơ quan hành chính xã	≤ 40		≥ 30	1-2
2	Trường mầm non	≤ 40	≥ 40	≥ 30	1-2
3	Trường tiểu học	≤ 40	≥ 40	≤ 30	2-3
4	Trường trung học cơ sở	≤ 40	≥ 40	≤ 30	2-3
5	Trạm y tế	≤ 40		≥ 30	1-2
6	Nhà văn hóa	≤ 40		≥ 30	1-2
II	Công trình nhà ở				
1	Nhà liên kế (nhà ở chia lô)	≤ 80		≥ 10	2-3
2	Nhà vườn	≤ 45		≥ 40	2-3

*** Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật:** chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng không chế, hành lang an toàn các công trình hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường...

Đối với dân cư hai bên tuyến đường Quốc Lộ cao độ xây dựng khuyến khích lầy ≤ cao độ nền đường sau khi thi công hoàn chỉnh, chỉ giới đường đỏ tính từ tim là 24,5m đối với khu vực ngoài đô thị, khu vực trong đô thị chỉ giới đường đỏ được tính từ tim đường là 24,5m. Đối với các đoạn mà đường tỉnh đi qua trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung thì theo quy hoạch chi tiết tại khu đó.

Đối với dân cư hai bên tuyến đường Tỉnh cao độ xây dựng khuyến khích lấy $\leq$ cao độ nền đường sau khi thi công hoàn chỉnh, chỉ giới đường đỏ tính từ tim là 23m. Đối với các đoạn mà đường tỉnh đi qua trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung thì theo quy hoạch chi tiết tại khu đó.

Đối với dân cư hai bên tuyến đường huyện cao độ xây dựng khuyến khích lấy $\leq$ cao độ nền đường sau khi thi công hoàn chỉnh, chỉ giới đường đỏ tính từ tim là 16m. Đối với các đoạn mà đường tỉnh đi qua trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung thì theo quy hoạch chi tiết tại khu đó.

Đối với dân cư hai bên các tuyến đường xã (liên xã) có bề mặt đường 3,5m và hành lang bảo vệ mỗi bên là 1,5m. Quy định hàng rào nhà xây dựng cách tim đường tối thiểu 4,25m và nhà xây dựng cánh tim đường tối thiểu 10,25m.

Đối với dân cư hai bên các tuyến đường trực ấp và liên ấp có bề mặt đường 3,5m và hành lang bảo vệ mỗi bên là 0,5m. Quy định hàng rào nằm cách tim đường tối thiểu 3,50m và nhà xây dựng cách tim đường tối thiểu 9m.

Đối với dân cư hai bên các tuyến đường trực ngõ xóm có bề mặt đường 3,5m và hành lang bảo vệ mỗi bên là 0,5m. Quy định hàng rào nằm cách tim đường tối thiểu 3,50m và nhà xây dựng cách tim đường tối thiểu 6,50m.

- Dọc theo các tuyến đường cải tạo, mở rộng và quy hoạch xây dựng mới bố trí đường ống cấp nước nằm dưới lề gia cố (phía đất nhà dân) nhằm sửa chữa dễ dàng;

- Rác thải đối với các hộ thuần nông sống dọc theo tuyến ở các ấp khuyến khích hộ tự thu gom và chôn hoặc đốt tại chỗ. Vệ sinh xây dựng hố xí hợp vệ sinh.

*** Các vùng cấm xây dựng:**

- Trong khi thực hiện mạng lưới điểm dân cư nông thôn xã Nhơn Mỹ cần phải tuân thủ các quy định chuyên ngành về khu vực bảo vệ và khoảng cách vệ sinh, an toàn, không được xây dựng tại những khu vực sau:

- Khu vực bảo vệ an toàn mạng lưới điện cao thế, hệ thống cấp nước.
- Hệ thống cây xanh bảo vệ ven sông, kênh rạch (tính từ sát bờ sông kênh rạch trở vào trong).
- Khu vực đê bao kênh thủy lợi.
- Lộ giới của hệ thống giao thông.

4.4 Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

4.4.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

*** Giải pháp về chuẩn bị kỹ thuật:**

- Chọn cao độ xây dựng: do Nhơn Mỹ nằm cạnh sông Hậu cập nhật sự biến động cao độ của khu vực trong 5 năm gần đây, chế độ thủy văn và các tuyến đường hiện trạng gần khu vực lập quy hoạch không bị ngập úng (cao độ thiết kế mặt đường hoàn thiện Quốc Lộ Nam sông Hậu +3,1m mốc cao độ quốc gia) mực nước cao nhất của sông Hậu trạm Đại Ngãi năm 2011 (+2.14m mốc cao độ quốc gia cao độ xây dựng chung cho các điểm dân cư trong xã Nhơn Mỹ là: Hxd

$\geq 2,65\text{m}$.

- Phương án thiết kế san nền:

+ Giải pháp san nền chủ yếu là tôn nền tối thiểu đạt cao độ xây dựng, để đảm bảo các công trình vượt lũ vào mùa mưa ở đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể như sau:

+ Đối với các công trình đã xây dựng, tiến hành từng bước tôn nền đạt cao độ xây dựng ($H_{xd} \geq 2,65\text{m}$). Cải tạo và xây dựng mạng thoát nước mưa tránh ngập úng cục bộ;

+ Đối với các công trình xây dựng mới, tiến hành san lấp đến cao độ xây dựng chung ($H_{xd} \geq 2,65\text{m}$);

+ Đối với các công trình giao thông trước khi xây dựng đảm bảo xử nền đường đúng kỹ thuật và hoàn thiện mặt đường với cao trình tối thiểu 2,65m;

- Đối với các tuyến đường hiện hữu như: đường tỉnh, huyện, xã khuyến khích chọn cao độ xây dựng bằng với cao độ đường hiện hữu đối với nhà, công trình dọc theo các tuyến đường trên.

*** Quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa:**

- Thiết kế mạng lưới:

Sử dụng hệ thống thoát nước chung nước mưa và nước thải sinh hoạt thoát trực tiếp ra sông rạch theo hướng ngắn nhất. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý cục bộ trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung. Đối với các khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp và khu vực chợ nước thải phải được xử lý đúng quy định trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung;

Giữ lại toàn bộ tuyến kênh hiện hữu giải quyết thoát nước cho các điểm dân cư. Chia nhỏ các lưu vực thoát nước, xây dựng các tuyến thoát nước ngắn thoát nước nhanh ra các kênh.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Chọn chu kỳ tính toán $P=1$ năm với khu dân cư xây dựng tập trung.

Phương pháp tính toán theo: Quy phạm thiết kế đô thị hiện hành bằng phương pháp tính toán cường độ giới hạn.

- Bố trí mạng thoát nước:

Đối với các tuyến đường không có điểm dân cư tập trung, đường được thiết kế không có hệ thống thoát nước dọc theo 02 bên đường mà thoát tự theo địa hình tự nhiên xuống các kênh mương. Các hộ dân sống rải rác theo tuyến sẽ san nền cục bộ khu vực có hướng dốc về kinh hậu, ao, hồ và kênh nhằm thoát nước triệt để;

Đối với các tuyến đường đi ngang qua các điểm dân cư tập trung thì 02 bên đường có bố trí vỉa hè và có hệ thống thoát nước dọc theo 02 bên đường;

Các điểm dân cư tập trung, các cụm công trình công cộng bố trí đầy đủ các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trong đó hệ thống thoát nước ưu tiên được đầu tư trước nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

* **Xác định hệ thống kênh thủy lợi phục vụ nông nghiệp:** chỉ nạo vét một số tuyến kênh cấp 2 và kênh nội đồng.

4.4.2. Giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

* Đường bộ:

Tuyến Quốc Lộ Nam Sông Hậu đi qua xã Nhơn Mỹ dài khoảng 4,8km (đi qua các ấp Mỹ Huệ, Mỹ Thuận, Mỹ Lợi, Mỹ Thạnh).

Quy hoạch Tuyến Đường Tỉnh 932C có chiều dài đi qua xã khoảng 4km, theo quy hoạch chung của Tỉnh.

* Đường thủy:

- Mạng lưới kênh rạch rất phong phú, bề mặt kênh rạch tương đối lớn phục vụ cho các ghe xuồng có tải trọng nhỏ và lớn. Giao thông thủy chủ đạo của xã hiện tại có sông Hậu có bề mặt rộng còn lại các tuyến kênh rạch có bề mặt nhỏ 10m - 20m chỉ lưu thông ghe xuồng nhỏ và phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- Sông Hậu là đường thủy chủ đạo của xã, ngoài ra còn có tuyến kênh Mỹ Thạnh, Kênh Mỹ Hội, Sông Rạch Mộp,...

- Định hướng quy hoạch cho mạng lưới giao thông thủy trên địa bàn xã: giữ nguyên hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã và có kế hoạch nạo vét thường xuyên nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b. Giao thông đối nội:

- Đường huyện:

+ Tuyến Đường Huyện 5B hiện trạng có chiều dài đi qua xã khoảng 2,1km bề rộng mặt đường 6m.

+ Quy hoạch tuyến đường Thị trấn Kế Sách đến xã Đảo Nhơn Mỹ có chiều dài khoảng 4km theo quy hoạch chung của Huyện.

- **Đường xã:** định hướng nâng cấp, cải tạo theo quy hoạch 2 tuyến.

- **Đường ấp và liên ấp:** định hướng nâng cấp, cải tạo theo quy hoạch 3 tuyến.

- **Đường ngõ xóm:** định hướng nâng cấp cải tạo theo quy hoạch 38 tuyến hiện trạng và quy hoạch xây dựng mới 18 tuyến.

Bảng tổng hợp quy hoạch giao thông

STT	GIAO THÔNG	Dài (m)	MẶT CẮT ĐƯỜNG (m)			
			Lề (trái)	Lòng đường	Lề (phải)	Kết cấu
A. QUỐC LỘ		4.000				
1	Đường Quốc lộ Nam sông Hậu (Trong đô thị)	1.200	21,00	7,00	21,0	Nhựa
2	Đường Quốc lộ Nam sông Hậu	3.600	21,00	7,00	21,0	Nhựa

	(Ngoài đô thị)					
B. ĐƯỜNG TỈNH		6.000				
1	Đường tỉnh 932C	6.000	20,00	6,00	20,0	Nhựa
C. ĐƯỜNG HUYỆN		6.441				
1	Đường Huyện 5B	2.100	13,00	6,00	13,0	Nhựa
2	Tuyến thị trấn Kế Sách đến xã đảo Nhon Mỹ	4.341	13,00	6,00	13,0	Nhựa
D. ĐƯỜNG XÃ		6.800				
1	Tuyến từ cầu kênh ranh xã Thới An Hội (Út Cọp) đến cầu kênh Tắc, sông Số 1	2.500	0,75	3,50	0,75	BTCT
2	Tuyến từ cầu kênh ranh xã Thới An Hội đến kênh 5 Khu ra Quốc lộ Nam sông Hậu	4.300	0,75	3,50	0,75	BTCT
E. ĐƯỜNG ÁP VÀ ĐƯỜNG LIÊN ÁP		5.950				
1	Tuyến từ cầu Hai Nĩ đến cầu Mương Khai 2, Nam Sông Hậu	1.700	0,75	3,50	0,75	BTCT
2	Tuyến kênh Tắc - An Phú Đông (tuyến vành đai)	1.000	0,75	3,50	0,75	BTCT
3	Tuyến Trục giữa đoạn từ cầu Khém đến đầu cồn	3.250	0,75	3,50	0,75	BTCT
F. ĐƯỜNG NGÕ, XÓM		66.537				
1	Tuyến từ ngã 4 QL Nam sông Hậu đến cầu An Phú Đông	4.900	0,50	3,50	0,50	BTCT
2	Tuyến từ Huyện 5B (cầu Trâm Bàu) đến Chùa Mỹ Phước	1.700	0,50	3,50	0,50	BTCT
3	Tuyến từ cầu Trà Éch (NSH) đến Chùa Mỹ Phước	2.000	0,50	3,50	0,50	BTCT
4	Tuyến từ cầu Trâm Bàu (Huyện 5B) đến rạch bờ Sao	1.600	0,50	3,50	0,50	BTCT
5	Tuyến từ cầu ranh thị trấn Kế Sách (Tur Minh) đến cầu rạch Rừa (cặp sông Số 1)	4.600	0,50	3,50	0,50	BTCT
6	Tuyến từ cầu Rạch Rừa đến cầu Kênh Tắc, sông Số 1	3.300	0,50	3,50	0,50	BTCT
7	Tuyến cặp rạch Ngây (bờ Đông)	1.200	0,50	3,50	0,50	BTCT
8	Tuyến từ cầu ranh Thị trấn Kế Sách (Tur Minh) đến cầu kênh ranh xã Thới An Hội	1.550	0,50	3,50	0,50	BTCT
9	Tuyến từ Cầu Tiêu La Thành đến giáp đồng Cây Mít, giáp ấp Mỹ Thuận	1.000	0,50	3,50	0,50	BTCT

10	Tuyến cầu Ông Đàng (Rạch Bàng) đến Cầu Đoàn, ấp Mỹ Thuận	1.150	0,50	3,50	0,50	BTCT
11	Tuyến Rạch Sáu (nhà 7 Đức) đến giáp đồng Cây Mít, giáp ấp Mỹ Thuận	1.374	0,50	3,50	0,50	BTCT
12	Tuyến từ rạch Mương Khai (Nghĩa Địa) đến kênh ranh Mỹ Yên và Mỹ Lợi (nhà ông Phong)	1.750	0,50	3,50	0,50	BTCT
13	Tuyến từ kênh 5 Khù (ông Đâu) đến giáp ranh ấp Mỹ Thuận (ông Đạt)	670	0,50	3,50	0,50	BTCT
14	Tuyến từ đường huyện 5 (Phi Phụng) đến nhà ông Út	280	0,50	3,50	0,50	BTCT
15	Tuyến từ Trụ Sở BND ấp Mỹ Tân đến kênh sườn ấp Mỹ Lợi	1.350	0,50	3,50	0,50	BTCT
16	Tuyến từ Trụ Sở BND ấp Mỹ Tân đến Cầu Đoàn nhà Sáu Hết (kênh Mỹ Hội)	1.150	0,50	3,50	0,50	BTCT
17	Đường GTNT tuyến cặp kênh Mỹ Thạnh đến kênh Tám Máy	814	0,50	3,50	0,50	BTCT
18	Tuyến kênh Ba Mắm đoạn từ đường huyện 5 đến kênh Tám Máy	590	0,50	3,50	0,50	BTCT
19	Tuyến từ ngã tư Trà Êch, NSH đến cầu chợ Trà Êch	320	0,50	3,50	0,50	BTCT
20	Tuyến Từ Nam sông Hậu (Út Kiệt) đến Chợ Nhơn Mỹ)	1.350	0,50	3,50	0,50	BTCT
21	Đường nội ô Trung tâm Chợ Nhơn Mỹ	2.200	0,50	3,50	0,50	BTCT
22	Tuyến từ cầu Du Lịch đến trục giữa (đoạn nhà ông Tường)	350	0,50	3,50	0,50	BTCT
23	Đường GTNT từ nhà Ông Hậu Đến Nhà Tư Cồn (A 67)	1.109	0,50	3,50	0,50	BTCT
24	Tuyến trục giữa (từ nhà ông Thuận đến BND ấp)	700	0,50	3,50	0,50	BTCT
25	Tuyến trục giữa đoạn từ Nhà Thờ đến nhà Ông Chên	450	0,50	3,50	0,50	BTCT
26	Tuyến đê bao còn Bùn	6.200	0,50	3,50	0,50	BTCT
27	Tuyến nhà Út Hiếu đến nhà 7xù	700	0,50	3,50	0,50	BTCT
28	Tuyến nhà 5 Phước đến nhà ông Thế	300	0,50	3,50	0,50	BTCT
29	Tuyến nhà Hậu Anh đến nhà ông Sến	500	0,50	3,50	0,50	BTCT
30	Tuyến nhà bà Lan đến nhà ông Hớn	900	0,50	3,50	0,50	BTCT
31	Tuyến nhà ông Sến đến khu du lịch	800	0,50	3,50	0,50	BTCT
32	Tuyến từ cầu Khém đến đầu cồn (bờ Sông Hậu)	3.650	0,50	3,50	0,50	BTCT

33	Tuyến từ Cầu Khém đến đầu cồn (bờ rạch Khém)	3.700	0,50	3,50	0,50	BTCT
34	Tuyến từ nhà Thầy Quới (NSH) đến cầu Trà Eách, Nam sông Hậu	1.950		3,50	0,50	BTCT
35	Tuyến từ Cầu Mỹ Hội đến điểm rẽ Trường Tiểu học Nhơn Mỹ 3	2.650	0,50	3,50	0,50	BTCT
36	Tuyến từ rạch Bàng, bờ Tây đến rạch Mương Khai ra QL Nam sông Hậu (Cầu Mương Khai 2)	3.850	0,50	3,50	0,50	BTCT
37	Tuyến từ đường huyện 5 đến giáp ranh ấp Mỹ Thuận	1.830	0,50	3,50	0,50	BTCT
38	Tuyến kênh Tám Máy đoạn từ rạch Đập đến rạch Trà Eách	2.050	0,50	3,50	0,50	BTCT
G. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NGÕ, XÓM QUY HOẠCH MỚI		18.918				
1	Tuyến cầu Đoàn(Út Mừng) đến đến nhà ông Vạn	807	0,50	3,50	0,50	BTCT
2	Tuyến cầu ông 2 Nỉ đến đến nhà 8 Sĩ (rạch Đồng Phen) (Đường Rạch Mương Khai - Rạch Bàng (Bờ Nam)	1.716	0,50	3,50	0,50	BTCT
3	Tuyến rạch Mương Siêu đến Cầu Đoàn, Đường cặp rạch Mương Siêu (Bờ Nam) A32)	1.900	0,50	3,50	0,50	BTCT
4	Cầu Tiểu La Thành đến nhà Ông Kiệt (Mỹ Thuận)	341	0,50	3,50	0,50	BTCT
5	Tuyến 2 Huỳnh đến cầu ông Thắng	950	0,50	3,50	0,50	BTCT
6	Tuyến nhà 2 Linh đến Xã đội	433	0,50	3,50	0,50	BTCT
7	Tuyến Phi Long đến nhà ông Cần	785	0,50	3,50	0,50	BTCT
8	Tuyến từ Huyện Lộ 5B đến nhà ông Vũ	1.047	0,50	3,50	0,50	BTCT
9	Tuyến nhà Ba Sang đến cống Ba Phước	1.300	0,50	3,50	0,50	BTCT
10	Tuyến nhà ông Tư Chứng đến nhà ông Hai Nỉ	853	0,50	3,50	0,50	BTCT
11	Tuyến nhà Ông Hùng đến nhà Bà Nhân	1.381	0,50	3,50	0,50	BTCT
12	Tuyến nhà Ông Hùng đến nhà Ông Tư Rỡ	2.261	0,50	3,50	0,50	BTCT
13	Tuyến nhà Ông Phước đến nhà Ông Ba Danh (Đường rạch Mương Siêu - Rạch Bàng (Bờ Bắc) A35)	2.059	0,50	3,50	0,50	BTCT
14	Tuyến nhà Ông Tư Dừa đến nhà Ông	1.192	0,50	3,50	0,50	BTCT

	Thạch					
15	Tuyến từ Rạch Đập đến nhà Hai Vàng	620	0,50	3,50	0,50	BTCT
16	Tuyến Nam Sông Hậu đến bến phà Mỹ Phước	233	0,50	3,50	0,50	BTCT
17	Tuyến Nam Sông Hậu đến nhà ông Tư Nhân	190	0,50	3,50	0,50	BTCT
18	Tuyến từ 9 Đỗ đến kênh Tám Máy	850	0,50	3,50	0,50	BTCT

4.4.3 Quy hoạch cấp nước:

a. Tính toán nhu cầu cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: $\geq 60\text{lít/người/ngày}$;
- Cấp nước vòi nước công cộng: $\geq 40\text{lít/người/ngày}$;
- Cấp nước các công trình công cộng: 10% nước sinh hoạt;
- Cấp nước cho các công trình phục vụ sản xuất: 8% nước sinh hoạt;
- Dự phòng tổn thất, rò rỉ: 15% tổng nhu cầu.

* Nhu cầu giai đoạn ngắn hạn (2025):

- Dân số toàn xã đến năm 2025: 15.823 người.
- + Nước sinh hoạt: $15.823 \times 60\text{lít} = 949,38 \text{ m}^3$.
- + Công trình công cộng: $10\% \times 949,38 \text{ m}^3 = 94,94 \text{ m}^3$.
- + Công trình phục vụ sản xuất: $8\% \times 949,38 \text{ m}^3 = 75,95 \text{ m}^3$.
- + Dự phòng tổn thất, rò rỉ: $15\% \text{ tổng nhu cầu} = 168,04 \text{ m}^3$.
- **Tổng nhu cầu giai đoạn ngắn hạn (2025):** $1.288,31 \text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$.

* Nhu cầu giai đoạn dài hạn (2030):

- Dân số toàn xã đến năm 2030: 16.021 người.
- + Nước sinh hoạt: $16.021 \times 60\text{lít} = 961,26 \text{ m}^3$.
- + Công trình công cộng: $10\% \times 961,26 \text{ m}^3 = 96,13 \text{ m}^3$.
- + Công trình phục vụ sản xuất: $8\% \times 961,26 \text{ m}^3 = 76,90 \text{ m}^3$.
- + Dự phòng tổn thất, rò rỉ: $15\% \text{ tổng nhu cầu} = 170,14 \text{ m}^3$.
- **Tổng nhu cầu giai đoạn dài hạn (2030):** $1.304,43 \text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$.

* Nguồn nước cấp:

Khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ và xử lý sạch. Nước được xử lý tại các trạm cấp nước tập trung và cấp đến các hộ dân thông qua mạng đường ống.

* Quy hoạch mạng cấp nước:

- Hiện trạng xã đã có 02 trạm cấp nước, trạm cấp nước Mỹ Huệ có công suất $700 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$ và trạm cấp nước Mỹ Phước có công suất $780 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$ về cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu cấp nước cho xã, ngoài ra xã còn có nguồn cấp nước từ các tuyến ống cấp nước truyền dẫn từ thị trấn Kế Sách.

- Mạng lưới đường ống:

+ Tại các điểm dân cư tập trung: mạng đường ống cấp chính đi theo trục đường chính của khu với đường kính Ø200, Ø150. Còn lại các ống nhánh sử dụng ống Ø100.

- Dọc theo các tuyến đường cải tạo, mở rộng và quy hoạch xây dựng mới bố trí đường ống cấp nước nằm dưới lề gia cố (phía đất nhà dân) nhằm sửa chữa dễ dàng. Ống cấp sử dụng ống nhựa uPVC hoặc các loại vật liệu khác có tiết diện tương đương.

=> Sau khi đầu tư xây dựng các trạm cấp nước và mạng đường ống sẽ đảm bảo trên 90% số hộ sẽ được cấp nước đến tận nhà.

4.4.4 Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

Tổng nước thải bằng 80% lượng nước cấp.

- Nước thải tại các điểm dân cư và các công trình công cộng: Nước thải được xử lý qua hầm tự hoại 03 ngăn trước khi thoát vào hệ thống chung. Đối với trung tâm xã bố trí bể xử lý nước thải sơ bộ để xử lý trước khi thải ra kênh rạch tự nhiên.

- Nước thải tại các công trình phục vụ sản xuất phải xử lý đạt chuẩn trước khi thoát ra kênh rạch hiện hữu.

b. Giải pháp về vệ sinh môi trường:

- Rác thải nông nghiệp và rác thải sinh hoạt được thu gom bằng xe chuyên dụng sau đó vận chuyển về bãi rác ở ấp An Thạnh xã An Lạc Tây để xử lý theo quy định

- Chất thải rắn từ các công trình phục vụ sản xuất: chủ đầu tư (chủ doanh nghiệp) có trách nhiệm sẽ hợp đồng với đội thu gom hoặc nhà máy xử lý rác tập trung để xử lý triệt để.

- Chất thải y tế nguy hại sẽ được xử lý tại lò đốt rác y tế đúng chuẩn được đầu tư cho trạm y tế trung tâm xã.

c. Quy hoạch nghĩa trang:

- Quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã Nhơn Mỹ tiếp giáp thuận lợi cả đường thủy và đường bộ nên khuyến khích người dân an táng mộ vào nghĩa trang tập trung của xã nhằm đảm bảo vệ sinh và cảnh quan môi trường.

- Vị trí: Nằm tại Ấp Mỹ Thuận, trên Tuyến lộ từ Cầu 2 Nĩ đến Mương Khai 2 ra Quốc lộ Nam Sông Hậu.

- Quy mô: Khoảng 0,64ha.

- Phải bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng quy hoạch mới với chiều rộng ≥ 10 m.

- Trong vùng ATMT của các công trình thuộc nghĩa trang, cơ sở hỏa táng chỉ được tổ chức các hoạt động canh tác nông, lâm nghiệp, quy hoạch các công trình giao thông, thủy lợi, cung cấp, truyền tải điện, xăng dầu, khí đốt, hệ thống

thoát nước, XLNT và các công trình khác thuộc nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, không được bố trí các công trình dân dụng khác.

4.4.5 Quy hoạch cấp điện:

a. Chỉ tiêu phụ tải điện:

- Phụ tải sinh hoạt: 150 W/người;
- Cấp điện cho công trình công cộng: 15% nhu cầu sinh hoạt;
- Cấp điện cho các công trình phục vụ sản xuất: tính toán tùy theo nhu cầu cụ thể của từng cơ sở sản xuất.

b. Nhu cầu phụ tải điện

** Nhu cầu giai đoạn ngắn hạn (2025):*

- Dân số toàn xã đến năm 2025: 15.823 người
- + Phụ tải sinh hoạt: $15.823 * 150\text{W/người} = 2.373,45 \text{ kW}$;
- + Công trình công cộng: $15\% * 2.373,45\text{Kw} = 356,02 \text{ kW}$;
- Tổng nhu cầu giai đoạn ngắn hạn (2025): 2.729,47 kW.

** Nhu cầu giai đoạn dài hạn (2030):*

- Dân số toàn xã đến năm 2025: 16.021 người.
- + Phụ tải sinh hoạt: $16.021 * 150\text{W/người} = 2.403,15 \text{ kW}$.
- + Công trình công cộng: $15\% * 2.403,15 \text{ Kw} = 360,47 \text{ kW}$.
- Tổng nhu cầu giai đoạn ngắn hạn (2025): 2.763,62 kW.

c. Nguồn cấp điện:

- Nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV dự kiến từ mạng điện quốc gia.
- Các tuyến trung thế xây dựng mới sử dụng cáp nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm cao từ 10,5m đến 12m, chôn sâu 1,8m. Khoảng cách trung bình giữa 02 trụ trung thế khoảng 80m.
- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối được lựa chọn là 22/0,4kV.
- Các trạm hạ thế 22/0,4kV đều là loại trạm giàn hoặc đặt trong nhà có dung lượng lớn từ 250kVA đến 630kVA, sử dụng sơ đồ bảo vệ dung FCO và LA.
- Từ các trạm hạ thế có các phát tuyến 0,4kV đi dọc theo các tuyến đường quy hoạch và cải tạo các tuyến đã xuống cấp nhằm đưa điện đến các hộ tiêu thụ, các tuyến (mạch cung cấp và đèn đường) đi trên không, dùng cáp xoắn ABC đi trên trụ bê tông cao 8,5m chôn sâu 1,4m, khoảng cách trung bình 40 hoặc trùng với tuyến trụ trung thế (đường dây hỗn hợp).
- Tuyến đèn đường đi chung với tuyến hạ thế. Đèn dùng loại cao áp Sodium 220V, công suất từ 150W – 250W, được đặt cao cách mặt đường 7m bố trí cho trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung.
- Lưới điện được cấp chính từ đường dây trung thế trên tuyến Quốc Lộ Nam Sông Hậu cấp cho các điểm dân cư, tuyến dân cư và cấp cho tuyến phục vụ sản xuất, kinh doanh.

d. Khối lượng và chiều dài tuyến cáp điện:

* **Mạng trung thế:** Quy hoạch 2 tuyến trung thế mới nằm trên tuyến đường Tỉnh 932C và tuyến đường từ thị trấn Kế Sách đến xã đảo Nhon Mỹ có chiều dài khoảng 8 Km.

* **Mạng hạ thế và chiếu sáng:** Tuyến hạ thế 0.4kV sử dụng đường dây cáp nhôm xoắn đi trên trụ thép tráng kẽm, tuyến chiếu sáng sử dụng chung với tuyến cáp điện cho công trình. Tổng chiều dài tuyến hạ thế quy hoạch mới 19,6 km.

4.5. Các công trình dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

4.5.1. Các công trình đầu tư:

a. Công trình công cộng:

- Nâng cấp cải tạo nhà văn hoá ấp và trung tâm xã đạt chuẩn.
- Quy hoạch mới nghĩa trang nhân dân xã.
- Quy hoạch mới 1 chợ nông sản.
- Quy hoạch mới trụ sở Công an xã Nhon Mỹ.
- Các công trình phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

b. Công trình giao thông:

- Tuyến từ đường Huyện 5B (cầu Trâm Bầu) đến Chùa Mỹ Phước.
- Tuyến từ cầu Trà Éch (NSH) đến Chùa Mỹ Phước.
- Tuyến từ ngã 4 Quốc lộ Nam sông Hậu đến cầu An Phú Đông.
- Tuyến từ cầu Trâm Bầu (Huyện 5B) đến rạch bờ Sao.
- Các tuyến đường theo quy hoạch.

5. Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất:

5.1. Tổng hợp và dự báo nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch đến năm 2030

- Đất nông nghiệp: Dự kiến giảm còn 1.687,18 ha, chiếm 57,78% tổng diện tích tự nhiên.

Trong đó; Đất trồng trọt khác giảm còn 1.623,90 ha, mặt nước nuôi thủy sản tăng 23,69 ha rừng phòng hộ 38,59ha, đất nông nghiệp khác 1,00 ha.

- Đất xây dựng:

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trung tâm xã và một số điểm dân cư nông thôn, giải quyết nhu cầu đất ở, đất CN-TTCN tập trung, xây dựng cơ sở hạ tầng và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, đến năm 2030 đất xây dựng của xã cần khoảng 264,17 ha chiếm 9,05% diện tích đất tự nhiên.

Trong đó: đất ở 90,13 ha; đất công cộng 6,03 ha;; Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình, đền 3,11 ha, Đất xây dựng các chức năng khác 17,19 ha; đất hạ tầng kỹ thuật 86.88 ha; hạ tầng phục vụ sản xuất 73,56 ha;

- Đất trung tâm xã lồng ghép khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn khoảng 55 ha.

Đất khác: giảm còn 944,27 ha chiếm 32,34 % tổng diện tích đất tự nhiên.

5.2. Khả năng đáp ứng về số lượng, chất lượng đất cho nhu cầu sử dụng

- Đất nông nghiệp: đến năm 2030, xã còn 1.687,18 ha, chiếm 57,78% tổng diện tích tự nhiên; riêng đất nuôi trồng thủy sản kết hợp là 400 ha.

- Đất xây dựng: đến năm 2030 có 275,62 ha chiếm 9,44% tổng diện tích tự nhiên ; tăng 17,69 ha so với hiện trạng; do chuyển đổi từ đất nông nghiệp.

5.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến Kinh tế -Xã hội.

*** Đánh giá tác động về kinh tế:**

Nền kinh tế của xã Nhơn Mỹ sẽ tiếp tục tăng nhanh trong những năm tới, đòi hỏi xã Nhơn Mỹ phải có tốc độ tăng trưởng phù hợp để ngày càng cải thiện đời sống dân sinh của xã; đồng thời có sự đóng góp ngày càng nhiều trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện Kế Sách. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy được lợi thế tiềm năng, mở rộng nhanh chóng quy mô ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại - dịch vụ và phát triển nông nghiệp bền vững.

- Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được phát triển theo hướng mở rộng quy mô trên cơ sở phát triển lợi thế về lao động, mặt bằng và giao thông. Hình thành các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp để có thể thu hút các doanh nghiệp lớn vào đầu tư.

- Ngành thương mại - dịch vụ: Dựa trên những lợi thế sẵn có của xã để xây dựng Nhơn Mỹ trở thành trung tâm thương mại của cụm xã. Hình thành mạng lưới thương mại, dịch vụ sản xuất với 3 chức năng cơ bản: (1) cung cấp vật tư nông nghiệp và hàng tiêu dùng; (2) tiêu thụ sản phẩm hàng hoá nông nghiệp, thủy sản và (3) phát triển các hệ thống dịch vụ. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ tổng hợp.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản, thủy sản hàng hoá theo hướng công nghiệp hoá, tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Đẩy nhanh chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng trang trại doanh nghiệp hàng hoá. Tổ chức sản xuất hàng hoá nông sản với chất lượng cao và bền vững.

*** Đánh giá tác động về xã hội:**

Ngoài mục tiêu đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã, tăng nhanh cơ cấu ngành công nghiệp – xây dựng, ngành dịch vụ - thương mại và giảm ngành nông nghiệp, thủy sản. Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của xã còn đảm bảo giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo an toàn an ninh lương thực, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Đẩy mạnh phát triển cơ cấu kinh tế và xã hội xã theo diện mạo nông thôn mới; phù hợp với định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của huyện. Góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng trên các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí, phấn đấu vượt mức bình quân của huyện trên một số lĩnh vực chủ yếu về văn hoá – xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo.

*** *Đánh giá tác động về môi trường;***

Tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường, từng bước tạo thói quen, nếp sống vì môi trường xanh, sạch đẹp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

Bảo vệ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường và cân bằng sinh thái.

5.4. Phân kỳ sử dụng đất: thống nhất theo nội dung đồ án.

6. Các nội dung khác: theo nội dung đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xã Nhơn Mỹ.
